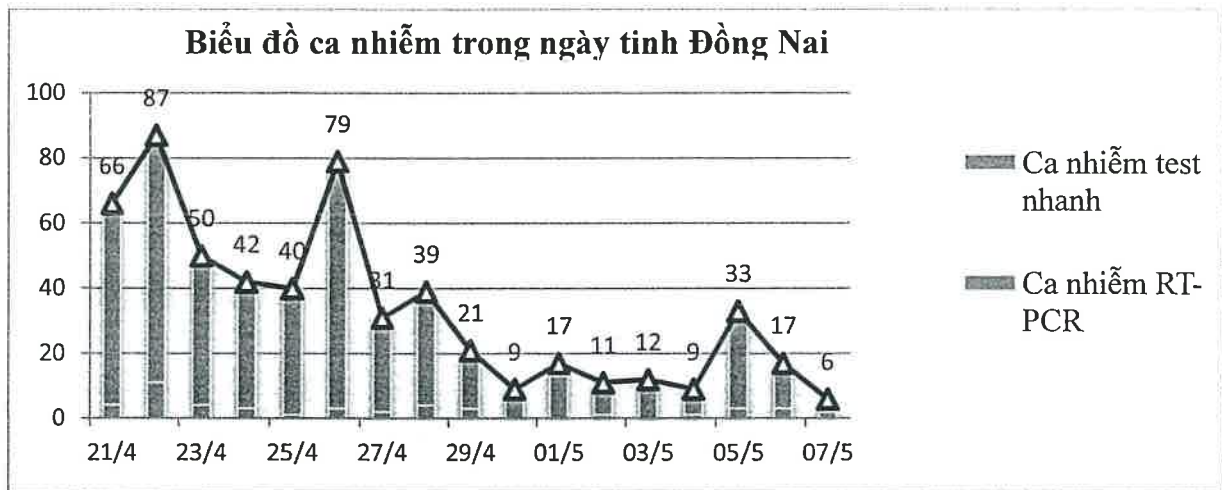


**BÁO CÁO NGÀY**  
**Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**  
**Đến 22h00 ngày 07/5/2022**

**I. Tình hình dịch bệnh (Từ ngày 27/4/2021 đến nay)**

T T	Địa phương	Số ca mắc mới trong ngày						Lũy kế		
		RT-PCR	Test nhanh kháng nguyên (+)	Cộng đồng	Khu cách ly tập trung	Khu phong tỏa	Tổng cộng	RT-PCR	Test nhanh	Tổng số ca bệnh
1	Biên Hòa	2	0	2	0	0	2	51.087	104.838	155.925
2	Nhon Trạch	0	0	0	0	0	0	19.379	42.469	61.848
3	Vĩnh Cửu	0	0	0	0	0	0	13.944	25.279	39.223
4	Trảng Bom	0	0	0	0	0	0	9.693	24.829	34.522
5	Long Thành	0	0	0	0	0	0	4.090	23.012	27.102
6	Thông Nhất	0	3	3	0	0	3	2.102	16.050	18.152
7	Định Quán	0	0	0	0	0	0	1.096	16.866	17.962
8	Tân Phú	0	1	1	0	0	1	1.074	16.001	17.075
9	Cẩm Mỹ	0	0	0	0	0	0	773	15.540	16.313
10	Xuân Lộc	0	0	0	0	0	0	1.346	14.157	15.503
11	Long Khánh	0	0	0	0	0	0	1.682	13.586	15.268
12	Ngoại tỉnh	0	0	0	0	0	0	403	0	403
<b>Tổng số</b>		<b>2</b>	<b>4</b>	<b>6</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>106.669</b>	<b>312.627</b>	<b>419.296</b>

\* Triển khai Công văn số 1909/BYT-DP ngày 15/4/2022 của Bộ Y tế về việc điều chỉnh định nghĩa ca bệnh COVID-19 và biện pháp y tế đối với ca bệnh COVID-19 và người tiếp xúc gần.



### Nhận xét:

- Trong ngày ghi nhận 06 ca mắc mới, trong đó 02 ca phát hiện qua xét nghiệm RT-PCR và 04 ca phát hiện qua xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2.

- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 419.296 ca mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

## II. Công tác y tế

### 1. Cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
<b>Cách ly tập trung</b>	04	04	44.093	44.097
<b>Cách ly tại nhà</b>	16	917	384.022	384.939
<b>Theo dõi sức khỏe</b>	00	00	51.981	51.981

Giải thể các cơ sở cách ly tập trung, duy trì các cơ sở thu dung người mắc COVID-19 tại các huyện, thành phố phục vụ người dân không đủ điều kiện cách ly tại nhà.

### 2. Điều trị

#### 2.1. Tình hình điều trị

	Đang điều trị		Khỏi bệnh		Tử vong		Nguy kịch
	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	Trong ngày	Lũy kế	
<b>Số lượng</b>	06	1.904	14	415.429	00	1.963	04
<b>Tỉ lệ</b>		<b>0,45%</b>		<b>99,08%</b>		<b>0,47%</b>	<b>0,21%</b>

- Số ca F0 đang điều trị tại cơ sở y tế: 06 ca
- Số ca F0 đang theo dõi tại nhà: 1.898 ca
- Tỉ lệ tử vong trên tổng số ca nhiễm lũy kế: **0,47%**
- Số ca tử vong/100.000 dân/tuần: **0,06**
- Tỉ lệ tử vong/ tổng số ca điều trị/tuần: **0,04%**

## 2.2. Mô hình điều trị tháp 3 tầng

	Công suất	Đang theo dõi	Số giường còn lại
<b>Tầng 3</b>	328	4	324
<b>Tầng 2</b>	3.821	1	3.820
<b>Tầng 1</b>	5.544	1	5.543

Số ca bệnh chuyển nặng phải nhập viện hỗ trợ y tế đã giảm đáng kể, hiện toàn tỉnh chỉ còn 05 ca điều trị tại cơ sở y tế, trong đó có 04 ca cần thở oxy.

## 2.3. Theo dõi F0 tại nhà

STT	Địa phương	Ca mới trong ngày	Đang Theo dõi	Khỏi bệnh	Lũy kế
1	Biên Hòa		997	165.966	167.046
2	Long Khánh	0	13	13.924	13.937
3	Vĩnh Cửu	0	159	29.342	29.524
4	Định Quán	0	509	16.183	16.700
5	Tân Phú	1	5	16.037	16.051
6	Trảng Bom		3	13.856	13.861
7	Thống Nhất	3	5	16.425	16.437
8	Xuân Lộc	0	81	13.626	13.718
9	Cẩm Mỹ	2	102	15.424	15.527
10	Long Thành		7	34.841	34.848
11	Nhon Trạch	0	17	42.451	42.469
	<b>Tổng</b>	<b>5</b>	<b>1.898</b>	<b>378.075</b>	<b>380.118</b>

## 3. Tiêm vắc xin phòng COVID-19 (Cập nhật ngày 05/5/2022)

- Thực hiện Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh về việc Tổ chức Chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 thần tốc trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 07/4/2022 về việc triển khai chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến 11 tuổi trên địa bàn tỉnh.

- Triển khai Kế hoạch số 2828/KH-SYT ngày 15/4/2022 và Kế hoạch số 2929/KH-SYT ngày 19/4/2022 của Sở Y tế về việc phân bổ sử dụng vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến 11 tuổi trên địa bàn tỉnh đợt 37 và 38. Theo đó, tỉnh Đồng Nai được Bộ Y tế phân bổ 75.400 liều vắc xin Moderna sử dụng tiêm cho trẻ từ 6 đến 11 tuổi.

- Trong ngày trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tiêm 1.196 liều vắc xin phòng COVID-19. Lũy kế đến hiện tại tỉnh đã thực hiện tiêm tổng số 7.445.287 liều vắc xin cho người dân từ 5 tuổi trở lên;

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng trong độ tuổi tiêm chủng từ **05 tuổi trở lên: Mũi 1: 101,79% ; Mũi 2: 96,11% ; Mũi 3: 49,82%**

- Tất cả 11/11 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều đạt tỉ lệ trên 97% người dân đã được tiêm đủ 02 liều cơ bản vắc xin phòng COVID-19, trên 50% người dân từ 18 tuổi trở lên được tiêm mũi 3; trong đó có 03 huyện, thành phố đạt từ 50-60% (Biên Hòa, Thống Nhất, Tân Phú); 03 huyện, thành phố đạt tỉ lệ từ 60% đến 70% (Long Thành, Xuân Lộc, Trảng Bom); 05 huyện, thành phố đạt trên 70% (Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ, Nhơn Trạch, Định Quán, Long Khánh).

Trong đó:

- + Tỉ lệ tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi trở lên đạt 62,95%
- + Tỉ lệ tiêm đủ liều cho người từ 12 đến 17 tuổi đạt 93,29%
- + Tỉ lệ tiêm mũi 1 cho trẻ từ 5 đến 11 tuổi đạt 19,71%
- + Tỉ lệ tiêm đủ liều cho người từ 65 tuổi trở lên đạt 98,41%.
- + Tỉ lệ tiêm đủ liều cho người từ 50 tuổi trở lên đạt 99,19%.

#### 4. Công tác xét nghiệm:

	Trong ngày		Lũy kế	
	Thực hiện	Dương tính	Thực hiện	Dương tính
<b>Test nhanh</b>	123	03	2.324.847	317.905
<b>RT-PCR mẫu đơn</b>	120	08	2.145.416	282.798
<b>RT-PCR mẫu gộp</b>	66	00	383.554	35.205
<b>Lượt người thực hiện PCR</b>	307	08	3.971.486	282.798

- Số mẫu test nhanh dương tính chờ kết quả RT-PCR: 00

- Số mẫu nghi ngờ, gộp dương: 00 mẫu.

#### 5. Hoạt động Trạm Y tế lưu động, Tổ COVID cộng đồng:

- Duy trì hoạt động hiệu quả các Trạm Y tế lưu động tại địa phương và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Số Trạm Y tế lưu động đã triển khai: 234 TYT lưu động tại 11/11 huyện, thành phố. Trong đó:

- + 209 TYT lưu động tại địa phương: Biên Hòa (64), Trảng Bom (17), Nhơn Trạch (12), Long Thành (15), Cẩm Mỹ (14), Thống Nhất (10), Tân Phú (18), Long Khánh (15), Xuân Lộc (15), Vĩnh Cửu (12), Định Quán (14).
- + 25 TYT lưu động tại khu công nghiệp: Biên Hòa (04), Nhơn Trạch (08), Long Khánh (01), Xuân Lộc (01), Tân Phú (01), Thống Nhất (01), Định Quán (01), Long Thành (03), Vĩnh Cửu (01), Trảng Bom (04).

- Số Tổ COVID cộng đồng đã triển khai: 10.534 tổ.

#### 6. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

##### a) Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 06 ca mắc mới, trong đó 02 ca phát hiện qua xét nghiệm RT-PCR và 04 ca phát hiện qua xét nghiệm nhanh kháng nguyên SARS-CoV-2.

- Lũy kế từ ngày 27/4 đến nay đã ghi nhận 419.296 ca mắc COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Trong ngày không ghi nhận ca bệnh tử vong do COVID-19. Số ca bệnh chuyển nặng phải nhập viện hỗ trợ y tế đã giảm đáng kể, hiện toàn tỉnh chỉ còn 06 ca điều trị tại cơ sở y tế, trong đó có 04 ca cần thở oxy.

- Trong ngày trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tiêm 1.196 liều vắc xin phòng COVID-19. Lũy kế đến hiện tại tỉnh đã thực hiện tiêm tổng số 7.445.287 liều vắc xin cho người dân từ 5 tuổi trở lên;

- Tỷ lệ bao phủ vắc xin COVID-19 đối tượng trong độ tuổi tiêm chủng từ **05 tuổi trở lên: Mũi 1: 101,79% ; Mũi 2: 96,11% ; Mũi 3: 49,82%**

- Tất cả 11/11 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh đều đạt tỷ lệ trên 97% người dân đã được tiêm đủ 02 liều cơ bản vắc xin phòng COVID-19, trên 50% người dân từ 18 tuổi trở lên được tiêm mũi 3; trong đó có 03 huyện, thành phố đạt từ 50-60% (Biên Hòa, Thống Nhất, Tân Phú); 03 huyện, thành phố đạt tỷ lệ từ 60% đến 70% (Long Thành, Xuân Lộc, Trảng Bom); 05 huyện, thành phố đạt trên 70% (Vĩnh Cửu, Cẩm Mỹ, Nhơn Trạch, Định Quán, Long Khánh).

- Cập nhật đánh giá phân loại cấp độ dịch mới trên địa bàn tỉnh đến ngày 30/4/2022: tỉnh Đồng Nai duy trì mức nguy cơ **Cấp độ 1 Bình thường mới**

+ Cấp huyện: tất cả 11/11 huyện, thành phố cấp độ 1;

+ Cấp xã: tất cả 170/170 xã, phường cấp độ 1 .

*(Chi tiết tại Phụ lục 1)*

## **b) Kiến nghị**

- Các địa phương định kỳ đánh giá cấp độ dịch hàng tuần theo hướng dẫn tại Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022 của Bộ Y tế về việc Hướng dẫn tạm thời về chuyên môn y tế thực hiện Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ ban hành Quy định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" *(thay thế Quyết định số 4800/QĐ-BYT ngày 12/10/2021 của Bộ Y tế)*.

- Các địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh về việc Tổ chức Chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 thần tốc trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 07/4/2022 về việc triển khai chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 cho trẻ từ 5 đến 11 tuổi trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 27/01/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về điều chỉnh các biện pháp tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và Kế hoạch số 13039/KH-UBND ngày 22/10/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về Thực hiện Quy

định tạm thời "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19" trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông thực hiện hiệu quả công thức 5K + vắc xin, thuốc điều trị + công nghệ + ý thức người dân. Đặc biệt chú trọng truyền thông về hiệu quả của việc tiêm vắc xin trong phòng chống dịch bệnh tăng sự đồng thuận của người dân.

- Triển khai Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh về việc triển khai các hoạt động bảo vệ sức khỏe người dân giai đoạn hậu COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo ngày công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai././.

**Nơi nhận:**

- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lê Quang Trung**



**Phụ lục 1: Đánh giá mức độ nguy cơ theo Quyết định số 218/QĐ-BYT ngày 27/01/2022 của Bộ Y tế**  
*(Cập nhật đến ngày 30/4/2022 tại Báo cáo số 419/BC-KSBT của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Đồng Nai)*

Huyện, thành phố		Xã, phường	
Số lượng	Tỉ lệ	Số lượng	Tỉ lệ
Cấp 1 (Bình thường mới)	11	170	100%
Cấp 2 (Nguy cơ trung bình)	00	00	0%
Cấp 3 (Nguy cơ cao)	00	00	0%
Cấp 4 (Nguy cơ rất cao)	00	00	0%

**Tỉnh Đồng Nai: Cấp 1**

- Đánh giá Mức độ lây nhiễm: Mức độ 1
- Đánh giá Khả năng đáp ứng: Khả năng cao
- Tỉ lệ tử vong trong tuần ở mức dưới 6/100.000 dân

**Phụ lục 2: Tình hình điều trị COVID-19**

TT	Cơ sở	Giường kê hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)		Số ca đang điều trị	Số ca đang điều trị, trong đó				Phụ nữ có thai	BN < 16 tuổi	BN >= 65 tuổi	Người có bệnh lý nền và nguy cơ khác	Khả năng còn tiếp nhận		
							Đã tiêm VX 1 mũi	Đã tiêm VX 2 mũi		Số ca đang điều trị	Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện						HFNC	Thời máy
1	BVDN/HSTC	40	50	0					3									3		
2	BVTN/TTHSTC																			
3	BVDKKVLK/HSTC																			
4	BVDKVL/T/HSTC	100	100	0	0	0	0	1	103	271	209	0	0	0	1	1	0	0	1	99
5	BV Nhi ĐN/HSTC																			
11	Trung tâm Y tế Tân Phú/HSTC	20	22	0	0	0	0	0	38	1	91	0	0	0	0	0	0	0	0	

TÀNG 3

<b>Tổng cộng (tầng 3)</b>		<b>180</b>	<b>192</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>141</b>	<b>272</b>	<b>300</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	<b>99</b>		
<b>TẦNG 2</b>																												
5	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	914	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	150
11	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	112	120	0	0	0	0	0	0	0	0	0	57	22	589	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	120
14	Trung tâm Y tế Trảng Bom	60	50	0	0	0	0	0	0	0	0	1	14	5	322	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	0	49	
<b>Tổng cộng (tầng 2)</b>		<b>322</b>	<b>320</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>71</b>	<b>27</b>	<b>1825</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>319</b>	

## TẦNG 1

<b>TẦNG 1</b>																												
2	Long Khánh	400	310	0	0	0	0	0	0	0	0	1	74	0	939	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
3	Vĩnh Cửu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1533	3	9102	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Nhơn Trạch	50	50	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	17	9987	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50
<b>TỔNG CỘNG (Tầng 1)</b>		<b>450</b>	<b>360</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>1607</b>	<b>20</b>	<b>20028</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>50</b>	
<b>TỔNG TẦNG (3+2+1)</b>		<b>952</b>	<b>872</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>6</b>	<b>1819</b>	<b>319</b>	<b>22153</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>4</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>1</b>	<b>1</b>	<b>4</b>	<b>468</b>	



**Phụ lục 3: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 đối tượng từ 5 tuổi trở lên**  
**(Cập nhật ngày 05/5/2022)**

TT	Địa phương	Người từ 5 tuổi trở lên						
		Dân số từ 5 tuổi trở lên	Mũi 1	Tỷ lệ %	Mũi 2	Tỷ lệ %	Mũi 3	Tỷ lệ %
1	Biên Hòa	961.996	1.098.820	114,22%	1.072.589	111,50%	462.065	48,03%
2	Long Khánh	152.483	142.655	93,55%	136.029	89,21%	84.627	55,50%
3	Long Thành	251.281	253.501	100,88%	233.467	92,91%	133.625	53,18%
4	Nhơn Trạch	198.053	263.298	132,94%	25.338	12,79%	126.515	63,88%
5	Thống Nhất	157.127	152.881	97,30%	143.611	91,40%	70.111	44,62%
6	Trảng Bom	329.612	320.423	97,21%	292.803	88,83%	171.485	52,03%
7	Vĩnh Cửu	136.189	165.173	121,28%	160.456	117,82%	95.747	70,30%
8	Xuân Lộc	217.600	217.308	99,87%	205.657	94,51%	113.148	52,00%
9	Cẩm Mỹ	130.504	125.825	96,41%	120.587	92,40%	79.502	60,92%
10	Định Quán	172.833	163.510	94,61%	160.274	92,73%	93.088	53,86%
11	Tân Phú	148.394	148.700	100,21%	140.676	94,80%	67.411	45,43%
	<b>Đồng Nai</b>	<b>3.005.406</b>	<b>3.059.325</b>	<b>101,79%</b>	<b>2.888.638</b>	<b>96,11%</b>	<b>1.497.324</b>	<b>49,82%</b>

**Phụ lục 4: Tình hình tiêm vắc xin phòng COVID-19 theo nhóm tuổi**  
**(Cập nhật ngày 05/5/2022)**

TT	Địa phương	Người từ 12 đến 17 tuổi						Người từ 5 đến 11 tuổi							
		Dân số 12-17	Số mũi tiêm trong ngày	Mũi 1	Tỷ lệ %	Mũi 2	Tỷ lệ %	Mũi 3	Tỷ lệ %	Dân số 5-11	Số mũi tiêm trong ngày	Mũi 1	Tỷ lệ %	Mũi 2	Tỷ lệ %
1	Biên Hòa	93.343	0	90.396	96,84%	85.434	91,53%		0,00%	109.761	119	21.604	19,68%		0,00%
2	Long Khánh	15.458	0	15.458	100,00%	14.741	95,36%		0,00%	16.254	0	3.086	18,99%		0,00%
3	Long Thành	27.269	0	27.275	100,02%	24.640	90,36%		0,00%	32.946	0	6.095	18,50%		0,00%
4	Nhơn Trạch	18.215	0	19.559	107,38%	16.840	92,45%		0,00%	22.771	0	4.153	18,24%		0,00%
5	Thống Nhất	14.905	0	15.739	105,60%	14.162	95,02%		0,00%	20.979	0	3.738	17,82%		0,00%
6	Trảng Bom	34.961	0	33.558	95,99%	33.743	96,52%		0,00%	28.980	0	7.635	26,35%		0,00%
7	Vĩnh Cửu	15.040	0	14.967	99,51%	14.305	95,11%		0,00%	16.802	0	3.078	18,32%		0,00%
8	Xuân Lộc	22.654	0	22.463	99,16%	21.379	94,37%		0,00%	28.901	0	5.622	19,45%		0,00%
9	Cẩm Mỹ	12.810	0	12.664	98,86%	11.836	92,40%		0,00%	15.417	0	2.973	19,28%		0,00%
10	Định Quán	20.291	0	20.169	99,40%	19.668	96,93%		0,00%	22.562	0	4.445	19,70%		0,00%
11	Tân Phú	17.908	0	17.175	95,91%	16.450	91,86%		0,00%	18.684	0	3.419	18,30%		0,00%
	<b>Đồng Nai</b>	<b>292.854</b>	<b>0</b>	<b>289.423</b>	<b>98,83%</b>	<b>273.198</b>	<b>93,29%</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>	<b>334.057</b>	<b>119</b>	<b>65.848</b>	<b>19,71%</b>	<b>0</b>	<b>0,00%</b>